TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ- ST
Ngày 09/4/2021
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"
(Không công nhận vợ chồng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Hải
2. Ông Ngô Cao Lâm

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn (không công nhận vợ chồng), theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ôn Thị S, sinh năm 1979.

- *Bị đơn*: Anh Lý Văn B, sinh năm 1980.

Cùng trú tại: Thôn N, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ôn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn B về chung sống với nhau vào năm 1997 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn N, xã N, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, chị xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Lý Văn B, do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Lý Trung T, sinh ngày 16/02/2001 và cháu Lý Quốc T, sinh ngày 17/5/2007. Hiện nay cháu T đã trưởng thành chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị Ôn Thị S xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2021, anh Lý Văn B trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị S như chị S trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh B xác định mâu thuẫn xảy ra giữa anh và chị S bất đồng quan điểm dẫn đến mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Nay anh cũng xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh B xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lý Trung T, sinh ngày 16/02/2001 và cháu Lý Quốc T, sinh ngày 17/5/2007. Hiện nay cháu T đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Anh nhất trí giao cháu T cho chị S nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh B xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ôn Thị S, không công nhận chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B là vợ chồng. Giao cháu Lý Quốc T, sinh ngày 17/5/2007 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Ôn Thị S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ôn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định anh Lý Văn B đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn N, xã N, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Ôn Thị S, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Từ năm 1997 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Lý Văn B, vợ là Ôn Thị S đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

Chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B là vợ chồng.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B có 02 con chung là cháu Lý Trung T, sinh ngày 16/02/2001 và cháu Lý Quốc T, sinh ngày 17/5/2007. Hiện nay cháu T đã trưởng thành chị S và anh B không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con". Chị S có quan điểm nhận trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu T và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, anh B nhất trí giao cháu T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị S. Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy HĐXX chấp nhận giao cháu Lý Quốc T, sinh ngày 17/5/2007 cho chị Ôn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: chị Ôn Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh B không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ôn Thị S về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lý Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ôn Thị S và anh Lý Văn B là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lý Quốc T, sinh ngày 17/5/2007 cho chị Ôn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ôn Thị S phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004073 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lý Văn B không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh